

CHÍNH SÁCH VÀ THỰC TIỄN PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO PHỤC VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Nguyễn Thị Ánh Tuyết¹, Nguyễn Văn Chiến¹

TÓM TẮT

Phụ nữ là một lực lượng xã hội quan trọng ở nông thôn. Họ vừa thực hiện chức năng tái sản xuất, đồng thời là lực lượng lao động chiếm đa số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Trong cơ cấu dân số, gần 80% người dân Việt Nam sống ở nông thôn. Phụ nữ nông thôn là một cộng đồng người phong phú, đa dạng gồm những dân tộc, tôn giáo, lứa tuổi, trình độ học vấn khác nhau và sinh sống ở những vùng nông thôn khác nhau. Khoảng 72% phụ nữ tham gia lực lượng lao động ở Việt Nam và tỷ lệ này cao hơn so với các nước khác trên toàn cầu. Lực lượng lao động nữ nông thôn chiếm 60,0% lực lượng lao động và hiện đang sản xuất hơn 60% sản phẩm nông nghiệp. Phụ nữ nông thôn Việt Nam là một trong hai chủ thể kinh tế quan trọng nhất mang lại thu nhập cho các hộ gia đình. Tuy nhiên, trình độ chuyên môn kỹ thuật của phụ nữ ở nông thôn còn thấp, có tới 90,5% lao động nữ ở nông thôn chưa được đào tạo qua các trường lớp và phần lớn họ (54,3%) tham gia các nghề giản đơn. Do vậy họ phải đối mặt với nhiều rào cản, thách thức trong quá trình thực hiện vai trò của mình, đặc biệt là những rào cản liên quan đến khía cạnh trình độ nhận thức, bình đẳng giới, cũng như rào cản về mặt thể chế, khả năng tiếp cận các nguồn lực trong phát triển sản xuất... Bài viết tập trung vào phân tích thực trạng các chính sách và thực tiễn phát huy vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo ở nông thôn, từ đó đề xuất những khuyến nghị về chính sách nhằm phát huy hơn nữa vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực này, góp phần thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Từ khóa: Phụ nữ, xóa đói giảm nghèo, nông thôn mới.

1. ĐỂ DẪN

Phụ nữ nông thôn là những người phụ nữ sinh sống và làm việc ở nông thôn. Trong cơ cấu dân số, gần 80% dân Việt Nam sống ở nông thôn. Phụ nữ nông thôn là một cộng đồng người phong phú, đa dạng gồm những dân tộc, tôn giáo, lứa tuổi, trình độ học vấn khác nhau và sinh sống ở những vùng nông thôn khác nhau. Khoảng 72% phụ nữ tham gia lực lượng lao động ở Việt Nam và tỷ lệ này cao hơn so với các nước khác trên toàn cầu [9].

Theo thống kê, lao động nữ nông thôn chiếm 60,0% lực lượng lao động và hiện đang sản xuất ra hơn 60% sản phẩm nông nghiệp. Phụ nữ nông thôn Việt Nam là một trong hai chủ thể kinh tế quan trọng nhất mang lại thu nhập cho các hộ gia đình [5].

Phụ nữ nông thôn nói chung và lao động nữ nông thôn nói riêng đang có vai trò và vị trí đặc biệt trong đời sống kinh tế - xã hội ở nông thôn. Biến đổi của lao động nữ nông thôn đang diễn ra theo ba xu hướng cơ bản là: thứ nhất, nâng cao chất lượng lao động nữ nông thôn nhằm đáp ứng nhu cầu lao động của thời kỳ mới; thứ hai, từng bước chuyển dần từ lao

động nông nghiệp sang lao động công nghiệp, thương mại và dịch vụ; thứ ba, chủ động, tích cực tham gia thị trường lao động quốc tế (cả trong nước và nước ngoài).

Trong 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới, có nhiều tiêu chí gắn với hoạt động sản xuất mà ở đó phụ nữ và các cấp hội trong thực tế đã phát huy được vai trò của mình. Bài viết hướng đến phân tích vai trò của phụ nữ cũng như vai trò của các tổ chức, cấp hội của phụ nữ ở khía cạnh tham gia phát triển sản xuất trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới, trên cơ sở đó chỉ ra tầm quan trọng, những tiềm năng có thể phát huy trong việc thực hiện thành công các mục tiêu xây dựng nông thôn mới, đồng thời chỉ ra những khó khăn, thách thức và rào cản đối với phụ nữ, từ đó đề xuất các khuyến nghị, chính sách phù hợp.

2. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH GẮN VỚI PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT PHỤC VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Đảng và Nhà nước luôn đặt cao vai trò của phụ nữ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc trước đây cũng như sự nghiệp xây dựng nông thôn mới hiện nay. Có thể kể ra một số văn bản quan trọng sau:

¹ Trung tâm Đào tạo Hợp tác Quốc tế, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

- Luật Bình đẳng giới của Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 10 số 73/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 06 năm 2008 về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới.

- Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm *“phát huy vai trò, tiềm năng to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, nâng cao địa vị phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...”*.

- Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 05 năm 2009 quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới quy định, trong đó tập trung vào lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới; chính sách hỗ trợ nữ cán bộ, công chức, viên chức; hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Quyết định số 1241/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ v/v Phê duyệt Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011- 2015. Mục tiêu của Chương trình: Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức nhằm thúc đẩy toàn xã hội thay đổi hành vi thực hiện bình đẳng giới; từng bước thu hẹp khoảng cách giới và nâng vị thế của phụ nữ trong một số lĩnh vực còn bất bình đẳng hoặc nguy cơ bất bình đẳng giới cao, góp phần thực hiện thành công các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020.

- Quyết định số 295/QĐ-TTg ngày 26 tháng 2 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án *“Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2010 - 2015”* đưa ra quan điểm *“Tăng cơ hội học nghề, tạo việc làm cho phụ nữ; đặc biệt phụ nữ khu vực nông thôn, phụ nữ độ tuổi trung niên, phụ nữ dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, vùng di dời, giải tỏa”*. Để cụ thể hóa Quyết định này, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 54/2012/TT-BTC quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện đề án *“Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2010-2015”*. Mức chi thực hiện mô hình thí điểm tạo việc làm tại chỗ cho phụ nữ đã được dạy nghề tối đa là 150 triệu đồng/mô hình/tối đa 30 hộ.

- Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ: Về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa có quy định cụ thể: *“Chương trình trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa của Nhà nước (gọi tắt là chương trình trợ giúp) là chương trình mục tiêu dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được xây dựng trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, địa bàn và được bố trí trong kế hoạch hàng năm và 5 năm. Ưu tiên chương trình trợ giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ và doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ (Điều 5, Chương trình trợ giúp).*

- Bộ Luật Lao động (2012) đề cập đến các chính sách đối với lao động, trong đó có lao động nữ. Cụ thể, trong Nghị định số 85/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2015 đã quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật lao động về chính sách đối với lao động nữ, gồm: Đại diện của lao động nữ, quyền làm việc bình đẳng của lao động nữ, cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe đối với lao động nữ, quyền đơn phương chấm dứt, tạm hoãn hợp đồng lao động của lao động nữ mang thai, giúp đỡ, hỗ trợ của người sử dụng lao động trong việc xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo, tổ chức nhà trẻ, lớp mẫu giáo ở nơi có nhiều lao động nữ và chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động. Cũng trong nghị định này, những cơ sở sử dụng lao động, sử dụng nhiều lao động nữ, được Nhà nước hỗ trợ như: a) được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp; b) các khoản chi tăng thêm cho lao động nữ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Bộ Tài chính.

Bên cạnh các văn bản của Đảng, Nhà nước, Chính phủ nêu trên, các tài liệu văn kiện quan trọng của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cũng thể hiện rõ vai trò, tiềm năng của phụ nữ trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung và ở khu vực nông thôn nói riêng. Cụ thể là, trong văn kiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ X và nhu cầu của hội viên, phụ nữ, phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2012 - 2017 của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đề ra các nhiệm vụ quan trọng, trong đó đáng chú ý có nhiệm vụ 3: *Vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường.*

Tuyên truyền, hướng dẫn và vận động phụ nữ khu vực nông thôn hiểu rõ, hiểu đúng và tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách về nông nghiệp - nông dân - nông thôn; chủ động, sáng tạo tham gia chuyển dịch cơ cấu kinh tế; thi đua sản xuất kinh doanh hiệu quả, góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020 và phong trào “*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*”.

Vận động phụ nữ phát huy tinh thần vượt khó vươn lên thoát nghèo. Chỉ đạo các chi hội, hội liên hiệp phụ nữ xã nắm vững tình hình hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ, đăng ký chỉ tiêu giúp hộ nghèo có địa chỉ, tập trung các giải pháp hỗ trợ đồng bộ để giảm nghèo hiệu quả: tiếp cận vốn vay, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao kiến thức, kỹ năng về quản lý kinh tế hộ gia đình, kỹ năng kinh doanh, quản lý chi tiêu tiết kiệm.

Mở rộng, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng tiết kiệm hỗ trợ phụ nữ nghèo. Xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược tài chính vi mô của hội nhằm hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững. Vận động, hướng dẫn, hỗ trợ phụ nữ tham gia các loại hình kinh tế hợp tác, khởi sự và phát triển doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu quy hoạch, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Thực hiện hiệu quả Đề án “*Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2010 - 2015*”, gắn kết chặt chẽ hoạt động dạy nghề với hỗ trợ tạo việc làm và các hoạt động giảm nghèo, phát triển kinh tế, phát triển doanh nghiệp của phụ nữ. Chú trọng dạy nghề và tạo việc làm tại chỗ, đặc biệt khu vực nông thôn. củng cố, nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo của các cơ sở dạy nghề thuộc Hội. Kết nối với các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nữ trong đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nữ.

(Trích: Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ X)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội nói trên, các cấp hội phụ nữ phối hợp với các ban, ngành địa phương triển khai nhiều phong trào thi đua, cuộc vận động góp phần thực hiện các chính sách phát huy năng lực, phẩm chất và vai trò của người phụ nữ Việt Nam trong lao động, sản xuất và xã hội.

3. THỰC TRẠNG VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ PHỤC VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

3.1. Vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế ở nông thôn

Theo thống kê, tính đến năm 2013, lao động nữ ở nông thôn chiếm 70,1% lực lượng lao động nữ của cả nước, tỷ lệ lao động nữ ở thành thị chỉ chiếm 29,9%.

Bảng 1. Số lượng và phân bố lực lượng năm 2013

Nơi cư trú /vùng	Lực lượng lao động (nghìn người)	Tỷ trọng (%)			(%) Nữ
		Tổng số	Nam	Nữ	
Cả nước	53.245,6	100,0	100,0	100,0	48,6
Thành thị	16.042,5	30,1	30,3	29,9	48,2
Nông thôn	37.203,1	69,9	69,7	70,1	48,8
Các vùng					
Trung du và miền núi phía Bắc	7.380,2	13,9	13,5	14,3	50,1
Đồng bằng sông Hồng (*)	8.184,3	15,4	14,8	16,0	50,6
Bắc Trung bộ và DH miền Trung	11.621,4	21,8	21,4	22,3	49,6
Tây Nguyên	3.249,4	6,1	6,2	6,0	47,6
Đông Nam bộ (*)	4.565,4	8,6	8,7	8,5	48,0
Đồng bằng sông Cửu Long	10.322,9	19,4	20,4	18,4	46,0
Hà Nội	3.799,6	7,1	7,1	7,2	48,8
Thành phố Hồ Chí Minh	4.122,3	7,7	8,0	7,5	46,9

(*)Đồng bằng sông Hồng không bao gồm TP. Hà Nội, Đông Nam bộ không bao gồm TP. Hồ Chí Minh
Nguồn: Tổng cục Thống kê (2014). Kết quả điều tra việc làm năm 2013. Hà Nội

Lao động nữ ở nông thôn thường tham gia các hoạt động nông nghiệp chủ yếu. Tỷ lệ nữ giới tham gia các hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn chỉ chiếm 38,9%, trong khi đó ở nhóm nam giới là 61,1%. Điều này cho thấy, nữ giới vẫn là lực lượng chủ yếu trong hoạt động sản xuất nông nghiệp ở nông thôn. Tuy nhiên, phần lớn những phụ nữ tham gia các hoạt

động phi nông nghiệp lại trẻ tuổi, trong khi tỷ lệ tham gia các hoạt động này thấp dần ở những nhóm tuổi cao. Đây cũng là một thách thức khi mà lực lượng tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp lớn tuổi, dù có kinh nghiệm nhưng sức khỏe và khả năng tiếp thu kiến thức, khoa học công nghệ bị hạn chế.

Bảng 2. Lực lượng lao động trong lĩnh vực phi nông nghiệp

Nơi cư trú/ vùng	Số lượng người làm công ăn lương trong lĩnh vực phi nông nghiệp (nghìn người)	Tỷ trọng trong tổng số người đang làm việc (%)	Phân bố phần trăm (%)		Tỷ trọng chia theo giới	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ
Cả nước	16.235,7	31,1	100	100	%	%
Thành thị	7.781,7	50,2	45,4	51,5	55,1	44,9
Nông thôn	8.454,0	23,0	54,6	48,5	61,1	38,9
Các vùng						
Trung du và Miền núi phía bắc	1.391,1	19,0	8,7	8,4	59,0	41,0
Đồng bằng sông Hồng (*)	2.833,9	35,3	17,7	17,1	59,1	40,9
Bắc Trung Bộ và DH miền Trung	2.933,9	25,7	19,4	16,2	62,4	37,6
Tây Nguyên	477,2	14,9	2,9	3,5	57,4	42,6
Đông Nam bộ (*)	1.947,5	43,5	10,7	13,8	52,0	48,0
Đồng bằng sông Cửu Long	2.586,7	25,6	16,6	15,0	60,5	39,5
Nhóm tuổi						
15 – 24 tuổi	2.930,1	39,4	16,8	19,8	54,2	45,8
25 – 54 tuổi	12.418,3	33,7	76,3	76,8	58,0	42,0
55 – 59 tuổi	604,7	16,0	4,8	2,2	75,2	24,8
60 tuổi trở lên	282,6	6,8	2,1	1,2	71,4	28,6

(*) Đồng bằng sông Hồng không bao gồm TP. Hà Nội, Đông Nam bộ không bao gồm TP. Hồ Chí Minh

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2014). Kết quả điều tra việc làm năm 2013. Hà Nội.

Từ năm 1993, số nam giới làm nông nghiệp giảm và số lao động nông nghiệp là nữ tăng. Rõ ràng lĩnh vực phi nông nghiệp ngày càng hấp dẫn lực lượng lao động nam và trẻ tuổi hơn trong khi phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ lớn tuổi có nguy cơ bị tụt hậu phải làm việc ở lĩnh vực nông nghiệp kém năng động hơn. Điều này dễ lý giải vì lao động nữ thường gắn với khu vực nông thôn và hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản, theo thống kê năm 2013, lực lượng lao động nữ chiếm đa số (63,2%), tỷ lệ còn lại tham gia các ngành nghề khác. Trong khi đó, nam giới ở nông thôn, tỷ lệ tham gia các ngành nghề khác cao hơn, chỉ có 57,5% hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản.

Trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, phụ nữ chiếm tỷ lệ chủ đạo, tạo ra trên 60% sản phẩm nông nghiệp của cả nước. Đây là khu vực mà người phụ nữ thể hiện khả năng quyết định vấn đề sản xuất và đầu tư nhiều hơn so với nam giới. Tuy nhiên, thường phải làm việc trên những cánh đồng và chăn nuôi nhỏ, phân tán chưa tập trung.

Trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp đã có nhiều hơn số phụ nữ tham gia làm quản lý, làm chủ các cơ sở sản xuất ở nông thôn. Đối với các cơ sở này đều hoạt động khá hiệu quả. Theo Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (2013), có 99% doanh nghiệp do nữ doanh nhân nói chung điều hành vượt qua khủng hoảng thành công, càng khẳng định nữ

doanh nhân Việt Nam đã thể hiện rất rõ bản lĩnh và năng lực vững vàng của mình trong thương trường. Một trong những nguyên nhân được lý giải là “phụ nữ làm kinh doanh dẻo dai, chất chịu và có sức chịu đựng tốt hơn nam giới. Những phẩm chất này đã giúp các nữ lãnh đạo doanh nghiệp vượt qua khủng hoảng, thậm chí còn giỏi hơn cả “đấng mày râu”. Bên cạnh đó là năng lực kiểm soát, quản lý kinh tế như là một lợi thế do đảm nhiệm vai trò truyền thống “tay hòm chìa khóa”, quản lý chi tiêu gia đình của phụ nữ nông thôn.

Mặc dù vậy, phụ nữ có xu hướng quản lý các công ty, trang trại nhỏ và tập trung hoạt động trong các lĩnh vực mang lại ít lợi nhuận. Các cơ hội việc làm công ăn lương trong các lĩnh vực nông nghiệp hạn chế đối với phụ nữ. Phụ nữ ở khu vực nông thôn gặp nhiều khó khăn trong việc thành lập các doanh nghiệp, vì hạn chế về nguồn lực, kể cả thời gian, kỹ năng quản lý, kiến thức về thị trường, tiếp cận tín dụng và đất đai. Do vậy, chủ yếu các chủ trang trại nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi vẫn là nam giới. Tỷ lệ nữ tham gia làm chủ cơ sở sản xuất ở nông thôn chỉ 0,8% [5].

3.2. Thực hiện các chính sách phát huy vai trò phụ nữ trong phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo ở nông thôn

3.2.1. Huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế

Thời gian qua, thực hiện các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về phát huy vai trò của phụ nữ và phong trào phụ nữ, các hoạt động khai thác, quản lý nguồn vốn từ các ngân hàng, chương trình, dự án, quỹ hỗ trợ, các nhóm phụ nữ tiết kiệm... được các cấp hội phụ nữ đẩy mạnh và đạt được nhiều kết quả tích cực. Nghiên cứu của Trần Thị Xuân Lan (2013) [6] cho thấy các kênh huy động của nữ giới đa dạng hơn so với nam giới. Bên cạnh các mối quan hệ xã hội từ phía gia đình hai bên chồng và vợ, phụ nữ có nguồn huy động vốn từ tổ chức Hội phụ nữ ở nông thôn và các quỹ tín dụng ủy thác. Một nghiên cứu về vốn xã hội trong phát triển ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn (Nguyễn Thị Ánh Tuyết và nhóm nghiên cứu, 2014) cho thấy vai trò rất lớn của tổ chức hội phụ nữ ở nông thôn – là một trong những tổ chức có số lượng hội viên tham gia lớn nhất, đồng thời có nhiều hoạt động thiết thực giúp các hội viên phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo thông qua các hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau bằng vật chất, tiền và các mô hình cho vay

vốn, quỹ tín dụng do hội phụ nữ ở các địa phương đứng ra.

Theo báo cáo của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, tính đến 2015, dư nợ ủy thác với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là 53.796 tỷ đồng với hơn 2,8 triệu hộ vay, dư nợ tín chấp là 6.500 tỷ đồng (tăng 2.080 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2013) cho trên 240 nghìn hộ vay. Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo phát vay 79,6 tỷ đồng, số thành viên hiện tại là 24.346, trong đó có 3819 thành viên mới; với tổng dư nợ vốn vay tại thời điểm 30/6/2015 đạt 93,8 tỷ đồng. Hoạt động ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội cũng được tập trung chỉ đạo nhằm tăng tỷ trọng vốn và nâng chất lượng tín dụng ủy thác, nhất là tại các vùng còn khó khăn. Kết quả cho thấy cho đến 2015 Hội luôn là đoàn thể đi đầu với 5 điểm nhất trong hoạt động ủy thác so với các tổ chức chính trị - xã hội khác [8].

Công tác hỗ trợ phụ nữ nghèo được các cấp Hội tiếp tục đẩy mạnh, tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả, coi trọng phát huy nội lực của phụ nữ để giảm nghèo bền vững. Các phong trào “*Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế*”, “*Giúp phụ nữ nghèo có địa chỉ*”... được duy trì trong suốt những năm qua, cùng các cuộc vận động lớn “*Mái ấm tình thương*”, “*Thực hành tiết kiệm theo gương Bác*” với nhiều hình thức sáng tạo “*Hũ gạo tiết kiệm*”, “*Nuôi heo đất*”... được triển khai sâu rộng khắp cả nước với tinh thần tương thân, tương ái, đã tạo nên nguồn nội lực to lớn trị giá trên 3.400 tỉ đồng, giúp cho trên 5,6 triệu lượt phụ nữ phát triển kinh tế, giảm nghèo.

3.2.2. Hỗ trợ chuyển giao khoa học kỹ thuật, kiến thức

Cùng với việc giúp gia đình phụ nữ nghèo phát triển kinh tế xóa đói giảm nghèo, Hội Phụ nữ phối hợp với Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật về sản xuất, chăn nuôi; tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của phụ nữ về ý thức bảo vệ môi trường, phát triển sản xuất, chăn nuôi theo hướng thân thiện với môi trường, vận động hội viên phụ nữ kỹ thuật sản xuất rau, chế biến thực phẩm sạch...

Có các biện pháp cụ thể: xây dựng các mô hình phát triển kinh tế có hiệu quả, sản xuất thực phẩm an toàn, tiêu dùng sạch. Mở rộng các loại hình hoạt động, triển khai mô hình liên kết dịch vụ gia đình, tăng cường khai thác các chương trình đào tạo nghề

cho lao động nữ và con em hội viên nông thôn. Cùng cố, nhân rộng mô hình dạy nghề gắn với giải quyết việc làm, cung ứng lao động nông thôn trên địa bàn nông thôn.

Hoạt động hỗ trợ phụ nữ sản xuất kinh doanh, khởi sự và phát triển doanh nghiệp có nhiều đổi mới: gắn kết hỗ trợ vốn vay với tổ chức tập huấn nghề, kỹ năng kinh doanh có sự đóng góp của nữ chủ doanh nghiệp; thành lập các tổ hợp tác, liên kết sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; diễn đàn vận động chính sách, kết nối mạng lưới, khen thưởng và tôn vinh doanh nhân nữ... được tổ chức thường xuyên ở nhiều địa phương.

Công tác dạy nghề có bước chuyển quan trọng với việc triển khai thực hiện Đề án “*Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2010-2015*” trên phạm vi toàn quốc. Hệ thống cơ sở dạy nghề và giới thiệu việc làm của Hội được quy hoạch trong tổng thể chung của cả nước và được củng cố, phát triển. Dạy nghề cho lao động nữ nông thôn được tập trung triển khai, không chỉ tại các cơ sở dạy nghề của Hội mà còn dưới hình thức phối hợp, liên kết, mở lớp lưu động. Hoạt động dạy nghề được tổ chức linh hoạt, gắn kết chặt chẽ hơn với hỗ trợ tạo việc làm thông qua hỗ trợ vốn và mở rộng hợp tác với các đối tác để tạo việc làm tại chỗ cho lao động nữ.

Tính đến năm 2015, có khoảng 17 triệu phụ nữ được tuyên truyền, trên 1 triệu lao động nữ được dạy nghề, hơn 200 mô hình tạo việc làm thu hút 6.754 người tham gia (lao động nữ chiếm 85%), giải quyết việc làm cho trên 8.000 thành viên, lao động trong các hộ gia đình, tất cả các mục tiêu đề ra đều đạt và vượt... là những kết quả triển khai Đề án “*Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2010-2015*” (Đề án 295) của Hội LHPN Việt Nam [2].

3.2.3. Thực hiện các cuộc vận động gắn với xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế ở nông thôn

Từ năm 2011, Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội ban hành Kế hoạch số 186/KH-ĐCT ngày 21/10/2011 về Kế hoạch hành động của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2011 - 2016 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và phong trào “*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*”, trong đó chỉ đạo các cấp hội thực hiện các nội dung chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, phong trào thi đua “*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*” gắn với

triển khai nhiệm vụ công tác Hội và lấy cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*” làm trọng tâm (Cụ thể “**5 không**” gồm: (1) “Không đói nghèo”, (2) “*không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội*”, (3) “*không có bạo lực gia đình*”, (4) “*không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học*”, (5) “*không sinh con thứ 3 trở lên*” và “**3 sạch**” gồm (1) “*Sạch nhà*”, (2) “*Sạch ngõ*”, (3) “*Sạch bếp*”).

Tính đến nay, các cấp Hội đã tổ chức được 298.534 cuộc tuyên truyền (trong đó cấp tỉnh: 8.839 cuộc, cấp huyện: 12.106 cuộc, cấp xã: 277.589 cuộc) về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho 6,3 triệu cán bộ, hội viên, phụ nữ (báo cáo của 25 tỉnh/thành). Trung ương Hội biên soạn và phát hành 6.200 cuốn Sổ tay hỏi đáp dành cho cán bộ Hội cơ sở và 32.000 tờ rơi tuyên truyền về phụ nữ cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới.

Công tác tuyên truyền, vận động của Hội đã có tác động tốt, phụ nữ đã hiểu hơn về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng nông thôn mới; chủ động tham gia xây dựng nông thôn mới thông qua thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình “*5 không, 3 sạch*”; tích cực thực hiện dồn điền đổi thửa để nâng cao hiệu quả sản xuất... Thông qua việc triển khai cuộc vận động “*5 không, 3 sạch*” rất thiết thực này đã góp phần vào công tác xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế ở nông thôn. Cụ thể, việc thực hiện tiêu chí “*Không đói nghèo*” góp phần thực hiện tiêu chí số 10 (về thu nhập), tiêu chí 11 (về hộ nghèo), tiêu chí 12 (về cơ cấu lao động).

Có thể nói, hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo ngày càng đa dạng, thiết thực, hiệu quả và đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới ở các địa phương.

3.3. Những rào cản phát huy vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế ở nông thôn

Các kết quả trong xóa đói giảm nghèo, phát triển sản xuất như đã nêu cho thấy tầm quan trọng của phụ nữ ở khu vực nông thôn trong xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, phụ nữ ở nông thôn hiện cũng đang gặp nhiều rào cản, khó khăn bởi họ vẫn là nạn nhân của những hủ tục, tập quán truyền thống lạc hậu, của tệ phân biệt đối xử theo tư tưởng trọng nam, khinh nữ vốn tồn tại lâu trong xã hội nông thôn; là người gánh chịu nặng nề nhất những mất mát, tai họa do hậu quả của các cuộc chiến tranh; trình độ

học vẫn còn thấp, sự hiểu biết về kinh tế – xã hội hạn chế, ít có điều kiện tiếp cận và nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, khoa học và công nghệ; ít có điều kiện thụ hưởng các giá trị văn hóa tinh thần; bất bình đẳng với nam giới trong việc tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực phát triển kinh tế gia đình, cũng không phải là người quyết định những vấn đề quan trọng của gia đình. Dưới đây là một số rào cản hạn chế phụ nữ trong hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế ở khu vực nông thôn.

Thứ nhất, nguy cơ già hóa, nữ hóa:

Hoạt động sản xuất nông nghiệp đang diễn ra khá phổ biến và có xu hướng tăng lên... dẫn đến những tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp. Chẳng hạn những người phụ nữ lớn tuổi sẽ khó khăn hơn trong tiếp cận khoa học kỹ thuật, công nghệ mới... Bên cạnh đó, việc sản xuất nông nghiệp vốn mang lại thu nhập thấp hơn so với các ngành nghề phi nông nghiệp (thường do nam giới đảm nhiệm) sẽ có nguy cơ dẫn đến vị thế xã hội của những người làm ngành nghề nông nghiệp giảm đi. Điều này hàm ý cho việc xây dựng và đề xuất các chính sách hỗ trợ phụ nữ trong hoạt động sản xuất nông nghiệp như chính sách bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm cho nông dân cũng như việc phải có chính sách phát triển nông nghiệp theo hướng tăng năng suất, hiệu quả, thu nhập để nâng cao vị thế lao động nông nghiệp.

Thứ hai, trình độ học vấn, chuyên môn còn hạn chế:

Cơ hội tiếp cận giáo dục và đào tạo, điều kiện học ở các bậc học cao hơn của phụ nữ bị hạn chế một phần do điều kiện kinh tế-xã hội ở khu vực nông thôn, phần khác do nhận thức về chiến lược đầu tư cho con cái trong gia đình hướng nhiều hơn vào nam giới. Hệ quả là trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật của phụ nữ còn thấp so với nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh ở nông thôn theo hướng hàng hóa, nhiều người đã không được hướng dẫn kỹ thuật nên phần lớn vẫn làm các công việc mang tính giản đơn. Tỷ lệ không có trình độ chuyên môn kỹ thuật chiếm 90,5%, trong khi ở nhóm nam giới là 86,7%. Tỷ lệ nữ tham gia dạy nghề cũng chỉ chiếm đến 1,7%, thấp hơn nhóm nam (6,3%). Nhóm có trình độ trung cấp chuyên nghiệp tương đương nhau (2,9%) và nhóm nữ có trình độ cao đẳng cao hơn nam (2,1% so với 1,1%) và ở trình độ đại học tương đương nhau (2,9% so với 3,0%) (Nhóm cao đẳng cao hơn vì đây là

số liệu thống kê lực lượng lao động ở nông thôn nói chung, trong đó có tỷ lệ lao động làm trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, trường học là nữ chiếm khá cao, phần lớn đều ở trình độ cao đẳng (giáo viên các trường mầm non, tiểu học, THCS phần lớn là nữ).). Phụ nữ nông thôn chủ yếu tham gia các hoạt động sản xuất nông nghiệp và công việc nội trợ, tham gia một phần các hoạt động phi nông nghiệp. Do vậy, thu nhập của họ từ các công việc này còn thấp dẫn đến vị thế xã hội, tiếng nói của họ trong gia đình và ngoài xã hội bị ảnh hưởng.

Thứ ba, nhận thức về giới trong cộng đồng và gia đình còn chưa đầy đủ. Việc phân bổ thời gian làm việc nhà và các công việc gia đình liên quan giữa phụ nữ và nam giới khác nhau cũng là một nhân tố gây nên tình trạng phân tách giới và kéo theo đó là khoảng cách về thu nhập. Phụ nữ nông thôn thường phải gánh phần lớn công việc nhà và chăm sóc gia đình, trong khi nam giới chủ yếu chịu trách nhiệm làm kinh tế. Những quan niệm cho rằng: “Đàn ông là nhà trên, đàn bà là nhà dưới” tồn tại qua nhiều thế hệ đã dẫn đến tiếng nói kém trọng lượng trong quá trình đưa ra các quyết định gia đình và xã hội, trong đó có các quyết định về hoạt động sản xuất, kinh doanh, thường thì phụ nữ ở vai trò thực hiện trong khi nam giới có vai trò quyết định. Với quan điểm này, mọi vấn đề liên quan đến tài sản gia đình như từ việc mua chiếc máy cày đến việc xây nhà, chọn giống cho sản xuất,... đều do đàn ông quyết định, ý kiến và quyền quyết định của phụ nữ hạn chế.

Tóm lại, những hạn chế về mặt xu hướng chuyển đổi cơ cấu lao động, cơ hội học tập, đào tạo, cơ hội phát triển và những chuẩn mực xã hội tồn tại dai dẳng thường kết hợp với nhau trở thành những rào cản lớn khiến phụ nữ bị hạn chế trong hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế ở nông thôn. Ngoài các yếu tố nêu trên, bản thân người phụ nữ nông thôn vẫn giữ lối sống khép kín, chưa thực sự mạnh dạn tham gia các hoạt động văn hóa-xã hội (giải trí, nghỉ ngơi, trau dồi tri thức, tham gia vào công tác xã hội, chăm lo sức khỏe...).

4. MỘT VÀI KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Là lực lượng lao động chủ yếu ở nông thôn, phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới: vừa là chủ thể, vừa là người được trực tiếp thụ hưởng những thành quả do chương trình xây dựng nông thôn mới mang lại. Các chính sách của Đảng và

Nhà nước cũng như sự vào cuộc tích cực của phụ nữ cả nước và các cấp hội đã góp phần đáng kể vào những thành công của của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; tác động tích cực đến đời sống của phụ nữ khu vực nông thôn: chị em được đào tạo nghề, tiếp cận vốn tín dụng, được thụ hưởng nhiều chính sách an sinh xã hội, đời sống văn hóa được cải thiện, phát huy quyền dân chủ, bình đẳng giới được nâng lên...Tuy nhiên, còn tồn tại khá nhiều rào cản đối với phụ nữ trong phát triển sản xuất, kinh tế ở nông thôn. Trong bối cảnh đó xin đề xuất một số khuyến nghị về mặt chính sách cụ thể dưới đây:

Thứ nhất, ghi nhận và phát huy vai trò chủ thể của người phụ nữ trong hoạt động sản xuất ở nông thôn. Do phụ nữ có vai trò chủ đạo (lực lượng lao động) ở khu vực nông nghiệp nông thôn. Theo đó, các cấp ủy, chính quyền cần quan tâm và có các chính sách ghi nhận sự đóng góp to lớn cũng như có cơ chế phát huy năng lực, khả năng đóng góp của phụ nữ như các chính sách về xác định chủ hộ, quyền sở hữu tài sản, quyền tham gia các quyết định ở cộng đồng... Theo đó, các cấp ủy, chính quyền cần quan tâm đến việc thực hiện lồng ghép giới, trong Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cần có thành phần phụ nữ và tổ chức đại diện cho phụ nữ để bảo đảm phụ nữ được bình đẳng về cơ hội tham gia quyết định và thụ hưởng thành quả của Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Thứ hai, thúc đẩy thay đổi quan niệm về giới, loại bỏ định kiến giới ở nông thôn. Theo đó, cần phải triển khai các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức và thay đổi quan niệm về vai trò giới trong lĩnh vực sản xuất cũng như tham gia xã hội. Nam giới cần tham gia nhiều hơn trong các hoạt động gia đình, tạo điều kiện cho phụ nữ được học tập, nâng cao trình độ và tham gia các hoạt động cộng đồng, quản lý, lãnh đạo. Tuyên truyền các tấm gương điển hình trong phát triển kinh tế và tham gia xã hội để qua đó thay đổi nhận thức của cộng đồng về khả năng thực hiện vai trò của phụ nữ trong xã hội, đồng thời nâng cao sự tự tin của phụ nữ, đặc biệt là giới trẻ.

Thứ ba, hỗ trợ, nâng cao năng lực cho phụ nữ trong phát triển kinh tế thông qua tổ chức các hoạt động tập huấn, cung cấp tài liệu hướng dẫn cho phụ nữ về nâng cao kiến thức, thông tin về sản xuất, kinh doanh, phát triển các mô hình sản xuất mới theo

hướng hiệu quả, giảm sức lao động của nữ giới nhằm nâng cao thu nhập, từ đó giúp phụ nữ có nhiều cơ hội hơn trong đào tạo, nâng cao năng lực và cải thiện vị thế xã hội của họ. Có các chính sách tạo điều kiện cho phụ nữ tiếp cận với các nguồn vốn, tín dụng cũng như hỗ trợ nâng cao năng lực để khởi nghiệp, thành lập các doanh nghiệp ở nông thôn, qua đó thúc đẩy vai trò và năng lực của phụ nữ trong phát triển sản xuất, kinh doanh ngành nghề. Bên cạnh đó tổ chức tập huấn về việc tham gia các hoạt động xã hội, tham gia công tác quản lý, lãnh đạo trong cộng đồng ở nông thôn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ NN&PTNT (2012). Bình đẳng giới và phát triển nông nghiệp, nông thôn. Bản tin lãnh đạo số 4/2012. Hà Nội.
2. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (2015). Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2015. Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2014). Huy động vốn xã hội trong phát triển ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn phục vụ xây dựng nông thôn mới. Sách chuyên khảo. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2015). Phụ nữ trong sản xuất và tham gia xã hội ở nông thôn: Thực trạng và khuyến nghị chính sách. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số kỳ 2, tháng 9.
5. Tổng cục Thống kê (2014). Kết quả điều tra việc làm năm 2013. Hà Nội.
6. Trần Thị Xuân Lan (2013). Phụ nữ nông thôn trong phát triển kinh tế cộng đồng. Tạp chí Xã hội học số 3 (123). Hà Nội.
7. UNDP (2012). Sự tham gia của phụ nữ trong vai trò lãnh đạo và quản lý ở Việt Nam. Hà Nội.
8. Báo cáo “Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2015” của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.
9. Thông cáo báo chí của Tổ chức lao động quốc tế tại Việt Nam (ILO) ngày 7 tháng 3 năm 2013.
10. Vũ Tiến Lộc - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Trang thông tin Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam, 08/03/2013.

POLICIES AND PRACTICES TO PROMOTE THE ROLE OF WOMEN IN ECONOMIC DEVELOPMENT AND POVERTY ALLEVIATION SERVE NEW RURAL CONSTRUCTION**Nguyen Thi Anh Tuyet, Nguyen Van Chien****Summary**

Women are an important social force in rural areas. They just made reproduction function, concurrently major labor force in agriculture and rural areas. 80% of Vietnamese population is living in rural areas. Rural women represent a complex of ethnic communities different from each other in religions, age, at disparate culture levels, distributed over diverse living conditions of rural areas. About 72% of women in Vietnam are laborers making a difference in proportion of labor force as compared to other countries. In rural areas, female laborers constitute 60% of labor force producing 60% agricultural production. Rural women in Vietnam are the most important amongst the two producers of household's income. However, 90.5% of women as a whole have not been educated in vocational skills, as a result the technical knowledge of women in general very low, the most part (54.3%) of women has to take part in non professional works. Therefore, in performance of their role, women encountered with too much impediments and challenges, which are particularly originated from the lack of knowledge, gender equity as well as the difficulties related to institution and accessibility to resources needed for economic development...The focus of this article is to analyze current policies and practices connected to the role of women in economic development and poverty alleviation in rural areas, on the base of which to set forth the proposals aiming to promote the role of women in economic fields that serve accomplishment of the objectives of new rural construction program.

Keywords: *Women's role, poverty alleviation, new rural area.*

Người phản biện: TS. Dương Ngọc Thi

Ngày nhận bài: 29/7/2016

Ngày thông qua phản biện: 29/8/2016

Ngày duyệt đăng: 5/9/2016